

Thứ hai, ngày 12 tháng 4 năm 2021

Vietnam Daily Review

Công phá mốc 1250

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/4/2021		•	
Tuần 12/4-16/4/2021			•
Tháng 4/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều và hiện đã vượt qua mốc 1250. Trên thị trường, dòng tiền đầu tư có sự cải thiện so với phiên trước với 11/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại chuyển sang bán ròng trên sàn HSX nhưng vẫn mua ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước. Theo nhận định hiện tại, VNIndex có thể sẽ xuất hiện sự giằng co tại quanh 1250 vào phiên tới để kiểm tra sự vững vàng tại vùng điểm này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1240 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/4/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: TCB_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+20.79** điểm, đóng cửa **1252.45**. HNX-Index **+1.74** điểm, đóng cửa **295.53**.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+6.63)**; **VHM (+2.3)**; **HPG (+1.57)**; **NVL (+1.45)**; **VPB (+1.2)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.44)**; **BCM (-0.29)**; **HVN (-0.15)**; **GVR (-0.1)**; **TCH (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,983** tỷ đồng, **+41.35%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 21,517 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 20.1 điểm. Thị trường có **301** mã tăng, 48 mã tham chiếu và **134** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-212.2** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPB (-96.8 tỷ)**, **VCB (-90.8 tỷ)** và **GAS (-85.2 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **171.67** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1252.45**
Giá trị: 19983.94 tỷ **20.79 (1.69%)**
Khối ngoại (ròng): -212.2 tỷ

HNX-INDEX **295.53**
Giá trị: 2711.28 tỷ **1.74 (0.59%)**
Khối ngoại (ròng): 171.67 tỷ

UPCOM-INDEX **84.10**
Giá trị: 1255.2 tỷ **1.09 (1.31%)**
Khối ngoại (ròng): -2.48 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	59.5	0.22%
Giá vàng	1,739	-0.31%
Tỷ giá USD/VND	23,067	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,429	0.15%
Tỷ giá JPY/VND	21,076	0.22%
LS liên NH 1 tháng	0.7%	24.38%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	110.7	VPB	-96.8
STB	94.8	VCB	-90.8
NVL	73.0	GAS	-85.2
FUEVFVNI	55.2	CTG	-77.4
HPG	38.9	VHM	-59.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 12/4

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	59.00	-0.54%	0.60%	-10.60%	58.22%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.66	-0.46%	0.80%	-7.00%	60.09%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	195.11	-0.56%	-0.50%	-8.30%	84.36%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1739.24	-0.27%	0.60%	1.00%	1.47%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.11	-0.62%	0.90%	-3.90%	66.32%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1393.25	-0.69%	-1.40%	-1.40%	61.54%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	632.00	-1.33%	3.00%	-0.60%	12.91%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.38	-0.10%	5.00%	5.70%	22.58%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	206.83	-3.42%	-9.20%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.41	1.52%	4.70%	-0.20%	35.53%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	127.25	-0.47%	4.60%	-2.40%	1.23%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	8926.50	-0.90%	1.60%	-0.80%	78.44%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	762.48	-1.76%	-0.60%	8.50%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	806.72	-1.73%	-0.80%	11.00%			
Nhôm	USD/ton	2264.00	-0.81%	2.40%	4.30%	54.49%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	151.03	0.12%	1.50%	7.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	82.90	-0.54%	-4.60%	2.30%	31.69%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent tăng 28 US cent tương đương 0.4% lên 62.67 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 23 US cent tương đương 0.4% xuống 59.09 USD/thùng. HĐTL dầu thô vận động tích lũy bối cảnh kinh tế Mỹ khả năng hồi phục nhanh khi tiêm phòng được đẩy mạnh. Tuy vậy, số ca mắc mới Covid-19 tại các nước phương đông vẫn cho thấy rủi ro.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.4% xuống 1,735.90 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York giảm 0.4% xuống 1,737.10 USD/ounce.

	12/4	% 12/4	9/4	% 9/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1252.45	1.69%	1231.66	-0.26%	1.33%	5.98%
S&P 500			4128.80	0.77%	2.71%	6.54%
HĐTL S&P500	4108.00	-0.28%	4119.50	0.75%	0.99%	4.60%
Shang- hai	3412.95	-1.09%	3450.68	-0.92%	-2.05%	1.64%
Euro Stoxx	3966.22	-0.32%	3978.84	0.03%	0.51%	4.76%

Phân tích kỹ thuật

TCB_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: TCB đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá sau khi đã có quãng thời gian tích lũy ngắn hạn dưới ngưỡng 42. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có tiềm năng duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của TCB nằm tại khu vực xung quanh 40. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 46.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 38 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

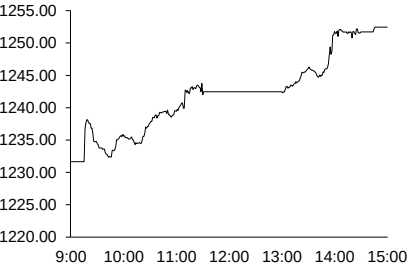
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-3.33%
Truyền thông	-0.38%
Du lịch và Giải trí	-0.34%
Dầu khí	-0.29%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.20%
Ô tô và phụ tùng	-0.17%
Hóa chất	-0.11%
Y tế	-0.04%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.13%
Công nghệ Thông tin	0.20%
Bảo hiểm	0.22%
Thực phẩm và đồ uống	0.36%
Xây dựng và Vật liệu	0.52%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.67%
Bán lẻ	0.76%
Ngân hàng	1.74%
Dịch vụ tài chính	2.56%
Tài nguyên Cơ bản	2.71%
Bất động sản	3.29%

Hình 1

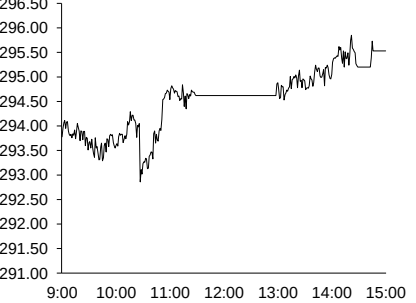
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

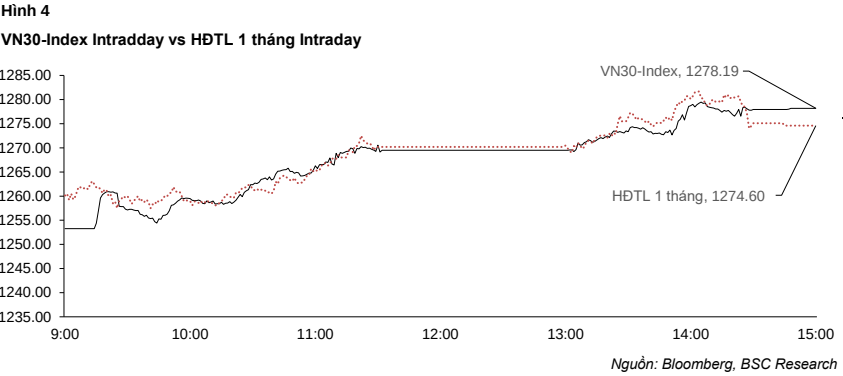
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	82.1	3	0.00%	Có thể tiếp tục mua
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	24.7	4	-0.80%	Có thể tiếp tục mua
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	35.3	5	-0.28%	Có thể tiếp tục mua
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	23.25	6	-2.31%	Có thể tiếp tục mua
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	98.9	7	-3.04%	Có thể tiếp tục mua
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	17.55	10	1.45%	Có thể tiếp tục mua
4/1/2021	VNM	101	110	98	100	11	-0.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/31/2021	SAB	180	200	173	175	12	-2.78%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	35.7	13	5.47%	Có thể tiếp tục mua
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	25.4	14	-0.59%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	6.79	18	15.48%	Cần nhắc không mua thêm (**)
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	14.3	20	-0.69%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	62.4	24	2.30%	Có thể tiếp tục mua
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	29	25	1.58%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	31.9	26	5.45%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	15.3	49	7.75%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	41.1	62	6.48%	Có thể tiếp tục mua
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	95.3	68	14.82%	Cần nhắc không mua thêm (**)
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	32.3	70	4.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	10	75	4.17%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	FS	17	27.68%
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	FS	16	25.68%
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	SL	4	-10.45%
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	SL	9	-4.49%
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	SL	11	-6.56%
3/12/2021	SHB	17.7	19.8	16.3	TP	6	11.86%
3/11/2021	STB	19.3	21.7	18	TP	20	12.44%
3/10/2021	VCI	57.4	65.3	52.7	TP	9	13.76%
3/9/2021	LDG	7.72	8.5	7.26	TP	23	10.10%
3/8/2021	CMX	16.95	18.65	15.85	SL	15	-6.49%
3/5/2021	POW	13.45	16	12.5	SL	21	-7.06%
3/4/2021	GEX	22.95	25	21	TP	33	8.93%
3/3/2021	LAS	9.9	12	8.5	FS	14	13.13%
3/2/2021	LHG	35.6	40	33.8	SL	20	-5.06%
3/1/2021	FCN	12.9	16	12	FS	14	14.34%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	8	5.76%	-1.44%	2.88%	26
Cổ phiếu đã chốt	127	64	13.37%	-8.04%	6.20%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2104	1274.60	1.81%	-3.59	8.3%	123,106	4/15/2021	5
VN30F2105	1272.50	-0.06%	-5.69	419.8%	1,601	5/20/2021	40
VN30F2106	1272.20	1.80%	-5.99	389.5%	186	6/17/2021	68
VN30F2109	1273.40	2.12%	-4.79	106.5%	95	9/16/2021	159

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +24.93 điểm, lên 1278.19 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VPB, HPG, NVL, VHM tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tăng lên quanh 1275-1280 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1240 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVIC2004	4/27/2021	15	20:1	2,244,700	31.12%	1,000	1,630	32.52%	1,610	1.01	119,999	99,999	132,000
CVIC2005	6/11/2021	60	10:1	1,373,400	31.12%	1,500	3,030	23.67%	2,621	1.16	121,868	106,868	132,000
CNVL2003	6/11/2021	60	10:1	2,238,000	24.98%	1,000	3,330	22.43%	3,182	1.05	73,979	63,979	95,300
CHPG2103	7/6/2021	85	2:1	525,700	33.02%	3,900	6,080	16.03%	4,994	1.22	49,800	42,000	51,200
CSTB2017	4/26/2021	14	1:1	243,000	41.00%	2,680	8,400	13.36%	8,178	1.03	17,980	15,300	23,450
CHPG2104	7/5/2021	84	3:1	306,600	33.02%	1,500	3,600	12.85%	2,542	1.42	49,300	44,800	51,200
CVPB2015	7/30/2021	109	1:1	72,600	38.67%	5,600	23,960	9.36%	23,368	1.03	31,600	26,000	49,000
CHPG2018	5/14/2021	32	4:1	677,700	33.02%	1,200	5,450	8.78%	5,331	1.02	34,799	29,999	51,200
CSTB2010	6/11/2021	60	2:1	649,600	41.00%	1,100	5,850	8.53%	5,772	1.01	14,199	11,999	23,450
CSTB2014	6/14/2021	63	1:1	692,700	41.00%	3,800	11,820	7.95%	11,548	1.02	15,800	12,000	23,450
CSTB2103	8/9/2021	119	2:1	687,500	41.00%	1,400	3,630	7.08%	2,998	1.21	20,800	18,000	23,450
CSTB2007	4/27/2021	15	2:1	646,700	41.00%	1,500	6,300	6.78%	6,258	1.01	13,999	10,999	23,450
CHPG2014	4/19/2021	7	1:1	103,300	33.02%	7,200	36,090	6.55%	24,724	1.46	27,570	21,680	51,200
CVRE2014	5/4/2021	22	1:1	245,600	33.02%	4,600	7,950	3.25%	7,879	1.01	32,100	27,500	35,300
CSBT2007	4/27/2021	15	2:1	456,800	42.22%	1,700	3,700	2.78%	3,266	1.13	18,788	15,495	22,500
CVRE2013	7/30/2021	109	1:1	288,200	33.02%	5,000	8,800	2.33%	8,365	1.05	32,500	27,500	35,300
CTCB2012	7/30/2021	109	1:1	145,100	35.09%	5,400	20,690	1.62%	20,460	1.01	27,400	22,000	42,150
CKDH2001	5/14/2021	32	4:1	99,300	30.99%	1,400	1,800	0.56%	1,500	1.20	31,822	26,222	32,100
CHDB2007	4/27/2021	15	5:1	463,400	33.49%	1,300	3,670	-0.54%	170	21.65	20,771	16,831	27,900
Tổng				12,159,900	35.31%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CVIC2004 và CVIC2005 tăng mạnh lần lượt là 32.52% và 23.67%. Giá trị giao dịch tăng 49.18%. CSTB2014 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.29% thị trường.
- CHPG2102, CHPG2105, CKDH2004, CVRE2015, và CVPB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2011, và CHPG2022 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CHPG2014, và CVPB2015 là những chứng quyền tích cực nhất xét lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.9	1.2%	1.0	2,789	5.0	8,654	15.6	3.9	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	91.8	1.7%	1.0	907	2.7	4,532	20.3	4.0	49.0%	20.9%
BVH	Bảo hiểm	62.4	0.0%	1.5	2,014	2.8	2,087	29.9	2.3	27.4%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	33.8	0.0%	0.5	328	0.1	3,404	9.9	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	132.0	5.7%	0.7	19,412	19.5	1,689	78.2	5.4	14.4%	7.1%
VRE	Bất động sản	35.3	0.9%	1.1	3,488	8.3	1,048	33.7	2.7	30.5%	8.5%
VHM	Bất động sản	101.8	2.9%	1.1	14,560	14.2	8,314	12.2	3.9	22.2%	38.6%
DXG	Bất động sản	24.9	-0.4%	1.3	561	5.5	(956)		2.1	33.6%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	36.5	3.5%	1.4	1,025	26.4	2,094	17.4	2.2	45.7%	13.1%
VCI	Chứng khoán	67.6	-1.2%	1.0	487	6.3	4,662	14.5	2.5	25.2%	17.9%
HCM	Chứng khoán	34.6	2.7%	1.5	459	7.8	1,738	19.9	2.4	46.3%	12.1%
FPT	Công nghệ	82.1	0.0%	0.9	2,798	7.2	4,520	18.2	4.1	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	77.5	-0.6%	0.4	922	0.1	5,165	15.0	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	87.9	-1.0%	1.3	7,315	7.3	4,102	21.4	3.5	2.8%	16.2%
PLX	Dầu khí	55.9	0.0%	1.5	3,023	3.9	723	77.3	3.2	16.3%	4.5%
PVS	Dầu khí	23.6	-0.8%	1.6	490	9.9	1,306	18.1	0.9	8.7%	5.1%
BSR	Dầu khí	17.5	-1.7%	0.8	2,359	10.2	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.0	-0.3%	0.4	563	0.0	5,443	18.2	3.6	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	20.4	0.5%	0.7	347	1.7	1,765	11.6	1.0	13.8%	8.6%
DCM	Hóa chất	18.2	1.4%	0.6	418	3.3	1,017	17.8	1.5	3.2%	8.7%
VCB	Ngân hàng	98.9	1.4%	1.1	15,948	11.4	4,975	19.9	3.9	23.4%	21.1%
BID	Ngân hàng	44.8	1.0%	1.3	7,825	10.0	1,740	25.7	2.4	17.0%	9.3%
CTG	Ngân hàng	43.2	1.6%	1.4	6,994	25.2	3,678	11.7	1.9	26.5%	16.9%
VPB	Ngân hàng	49.0	3.8%	1.2	5,230	26.3	4,271	11.5	2.3	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	31.7	1.0%	1.2	3,851	22.8	2,965	10.7	1.8	22.9%	19.2%
ACB	Ngân hàng	35.2	2.2%	1.0	3,303	19.0	3,557	9.9	2.1	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	61.5	0.0%	0.7	219	0.4	6,385	9.6	2.0	81.2%	21.2%
NTP	Nhựa	35.9	-0.8%	0.5	184	0.1	3,526	10.2	1.6	18.9%	16.1%
MSR	Tài nguyên	21.6	-0.9%	0.7	1,032	1.3	39	553.8	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	51.2	3.3%	1.1	7,376	59.2	4,060	12.6	2.9	30.4%	25.2%
HSG	Thép	30.3	0.5%	1.4	586	11.5	3,387	8.9	1.9	7.3%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	100.0	0.2%	0.7	9,087	15.8	4,770	21.0	6.7	55.9%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	175.0	0.6%	0.8	4,879	1.3	7,064	24.8	5.6	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	91.9	-0.2%	0.9	4,694	6.1	1,054	87.2	6.8	32.4%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.5	-0.9%	1.2	604	4.2	946	23.8	1.8	8.1%	7.4%
ACV	Vận tải	73.0	-0.1%	0.8	6,909	0.8	3,450	21.2	4.3	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	131.8	0.0%	1.1	3,002	3.6	132		4.6	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	32.8	-1.1%	1.7	2,023	2.8	(7,705)		7.3	9.2%	-89.3%
GMD	Vận tải	35.7	0.0%	1.0	468	4.0	1,149	31.1	1.8	37.6%	5.8%
PVT	Vận tải	17.9	-0.6%	1.3	252	2.6	2,068	8.7	1.2	12.4%	14.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	95.0	0.7%	1.0	661	1.1	8,257	11.5	3.9	3.7%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.1	0.3%	0.4	684	0.3	1,340	26.2	2.5	6.5%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.6	0.3%	0.9	309	1.0	1,592	11.7	1.3	3.2%	11.3%
CTD	Xây dựng	70.7	-1.4%	1.0	228	4.8	4,158	17.0	0.6	45.2%	3.8%
CII	Xây dựng	25.4	2.8%	0.5	264	2.4	1,030	24.7	1.3	32.7%	5.1%
REE	Điện	53.6	0.2%	-1.4	720	1.8	5,250	10.2	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	27.9	1.6%	-0.4	232	1.0	2,438	11.4	1.3	11.8%	13.8%
POW	Điện	14.3	3.3%	0.6	1,451	24.0	1,010	14.1	1.2	3.8%	8.5%
NT2	Điện	22.3	0.2%	0.5	278	0.4	2,095	10.6	1.5	15.5%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	41.1	3.8%	1.1	839	20.4	478	86.0	2.0	21.8%	2.4%
BCM	Khu công nghiệp	56.3	-1%	1.0	2,534	0.1			3.7	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	132.00	5.68	6.39	3.65MLN
VHM	101.80	2.93	2.58	3.30MLN
HPG	51.20	3.33	1.45	27.22MLN
NVL	95.30	5.89	1.39	3.79MLN
VCB	98.90	1.44	1.38	2.70MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.46	1.91MLN	1.11MLN
BCM	0.00	-0.22	33500	607060
HVN	0.00	-0.13	2.00MLN	373600
GVR	0.00	-0.11	2.90MLN	192700
MSN	0.00	-0.06	1.54MLN	611640

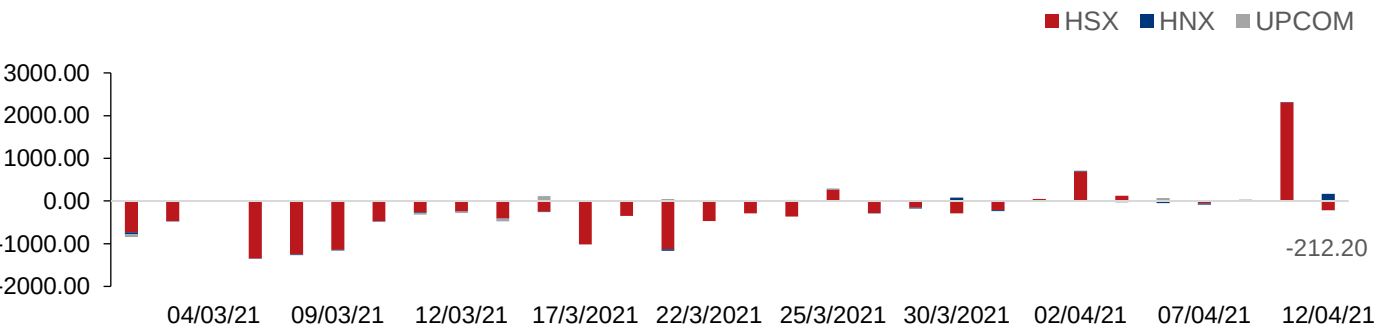
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MCG	4.28	7.00	0.00	708700.00
TNT	8.56	7.00	0.00	1.06MLN
HAR	6.88	7.00	0.01	4.70MLN
QCG	10.40	7.00	0.05	2.92MLN
SJF	4.13	6.99	0.01	3.98MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	29.35	-6.97	-0.02	189500
SVD	9.35	-6.97	0.00	1.03MLN
PMG	33.40	-6.96	-0.03	7300.00
EMC	21.65	-6.88	-0.01	800
RIC	23.10	-6.85	-0.01	38700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	17.5	1,387	12.6	1.1	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.2	3,557	9.9	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	73.0	3,450	21.2	4.3	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	30.6	4,043	7.6	1.4	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	43.2	3,678	11.7	1.9	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	58.1	13,724	4.2	1.4	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	69.4	5,734	12.1	2.6	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	118.7	6,245	19.0	4.4	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	20.4	1,765	11.6	1.0	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	29.0	2,158	13.4	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	24.9	-956		2.1	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	82.1	4,520	18.2	4.1	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	35.7	1,149	31.1	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	44.3	6,175	7.2	2.3	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	51.2	4,060	12.6	2.9	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	30.3	3,387	8.9	1.9	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.6	1,592	11.7	1.3	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	41.1	478	86.0	2.0	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	32.1	2,044	15.7	2.2	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	18.9			1.4	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.8	3,258	11.3	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	91.9	1,054	87.2	6.8	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	134.9	8,654	15.6	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	36.2	3,127	11.6	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	59.5	7,985	7.5	2.5	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	27.9	1,842	15.1	1.8	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	91.8	4,532	20.3	4.0	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	14.3	1,010	14.1	1.2	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	22.3	0	54.6	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.6	1,306	18.1	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	175.0	7,064	24.8	5.6	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.5	946	23.8	1.8	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	42.2	3,521	12.0	2.0	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	98.9	4,975	19.9	3.9	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	45.2	4,239	10.7	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	17.2	570	30.2	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	38.6	3,953	9.8	1.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	100.0	4,770	21.0	6.7	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	101.8	8,314	12.2	3.9	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	28.4	943	30.1	2.4	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	12.0	875	13.7	1.1	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	129.0	9,182	14.0	6.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	49.0	4,271	11.5	2.3	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	35.3	1,048	33.7	2.7	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	85.9	4,060	21.2	5.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639